TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2025
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Diễm Huyền.
2. Bà Hồ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về "*Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25/6/2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Như N** , sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông **Lê Văn L** , sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Nhơn M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Như N trình bày: Bà và ông L có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã N, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/11/2017. Ông bà có 01 con chung tên Lê Huỳnh Quốc L , sinh ngày 05/5/2018, hiện đang sống chung với bà Ngọc. Quá trình chung sống, bà và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt và không còn hạnh phúc, hôn nhân không hàn gắn được. Nay Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Bà

N yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn L ; Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Huỳnh Quốc L , sinh ngày 05/5/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, định kỳ cấp dưỡng nuôi con là hàng tháng; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Lê Văn L : Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông L nhưng ông không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Liêm.

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch; Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bà Huỳnh Như N có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Lê Văn L đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông L có đăng ký kết hôn và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định nên pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, Bà N và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài. Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho Bà N và ông L gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn và đoàn tụ ông nhưng ông L không tham gia, cũng không có ý kiền phản đối. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Nay Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Liêm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngọc.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông L có 01 con chung tên Lê Huỳnh Quốc L , sinh ngày 05/5/2018. Từ khi Bà N và ông L không còn sống chung đến nay thì cháu L vẫn được Bà N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và Bà N có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Ông L không có ý kiến phản đối hay có tranh chấp gì. Đồng thời, cháu L có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà Ngọc. Xét thấy, việc giao con chung cho Bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cũng như ổn định môi trường sống cho cháu L nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu L cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Ông L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của ông L khi không là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà N có yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là phù hợp với Điều 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và khả năng cấp dưỡng của ông Liêm. Từ ngày 01/07/2025, mức lương tối thiểu vùng tại xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ (nơi ông L cư trú) là 3.450.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử xác định mức cấp dưỡng của ông L đối với cháu L hàng tháng là ½ x 3.450.000 đồng = 1.725.000 đồng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Như N .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Như N được ly hôn với ông Lê Văn L .

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Huỳnh Quốc L , sinh ngày 05/5/2018 cho bà Huỳnh Như N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Ông Lê Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lê Huỳnh Quốc L , sinh ngày 05/5/2018 với mức cấp dưỡng là 1.725.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Phần quyết định này của Bản án được thi hành ngay theo quy định tại khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Như N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009634 ngày 07/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Cần Thơ).

Ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 10-Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 10-Cần Thơ;
- UBND xã N, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa